

Số: /KL-TTr

TP. Kon Tum, ngày tháng năm

KẾT LUẬN THANH TRA
Tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Kon Tum

Thực hiện Quyết định số 42/QĐ-TTr ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chánh thanh tra thành phố Kon Tum, về việc thanh tra tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Kon Tum, từ ngày 29 tháng 11 năm 2022 đến ngày 03 tháng 4 năm 2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Kon Tum.

Xét Báo cáo số 01/BC-ĐTTr của Đoàn thanh tra ngày 12 tháng 7 năm 2023, ý kiến của đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra, Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố (*viết tắt là Phòng LĐ-TB & XH thành phố*) được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (*Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động*); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới.

Cơ cấu tổ chức của Phòng LĐ-TB & XH thành phố gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 04 Chuyên viên và 01 nhân viên hợp đồng.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

I. Kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách

1. Kiểm tra việc thực hiện thu ngân sách:

Từ năm 2018 đến năm 2021, tổng kinh phí cấp từ Ngân sách nhà nước là **150.710.701.813 đồng**. Trong đó, nguồn kinh phí tự chủ là 3.760.703.000 đồng, nguồn kinh phí không tự chủ là 146.949.998.813 đồng.

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng
I	Kinh phí tự chủ	975.270.000	891.305.000	918.850.000	975.278.000	3.760.703.000
1	Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0	0	0
2	Giao đầu năm	904.000.000	980.000.000	911.000.000	945.000.000	3.740.000.000
3	Bổ sung trong năm	71.270.000	-88.695.000	7.850.000	30.278.000	20.703.000
II	Kinh phí không tự chủ	41.495.308.063	29.828.850.000	39.007.350.000	36.618.490.750	146.949.998.813
1	Tồn năm trước chuyển sang	560.000.000	560.000.000	560.000.000	560.000.000	2.240.000.000

2	Giao đầu năm	24.564.000.000	25.850.000.000	26.326.000.000	25.516.000.000	102.256.000.000
3	Bổ sung trong năm	16.371.308.063	3.418.850.000	12.121.350.000	10.542.490.750	42.453.998.813
	Tổng	42.470.578.063	30.720.155.000	39.926.200.000	37.593.768.750	150.710.701.813

2. Kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách:

Từ năm 2018 đến năm 2021, tổng chi tại đơn vị là 150.710.701.813 đồng, cụ thể như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng
I	Kinh phí tự chủ	975.270.000	891.305.000	918.850.000	975.278.000	3.760.703.000
1	Chi thường xuyên	975.270.000	891.305.000	918.850.000	975.278.000	3.760.703.000
2	Kinh phí giữ lại 10% tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên	0	0	0	1.800.000	1.800.000
II	Kinh phí không tự chủ	41.495.308.063	29.828.850.000	39.007.350.000	36.618.490.750	146.949.998.813
1	Chi bảo đảm xã hội	34.188.778.744	24.601.924.117	32.358.124.567	30.172.590.428	121.321.417.856
2	Mua BHYT cho đối tượng BTXH và Cựu chiến binh	3.195.991.950	3.547.539.450	3.796.497.450	3.937.578.300	14.477.607.150
3	Chuyển trả ngân sách	3.550.537.369	1.119.386.433	2.292.727.983	1.948.322.022	8.910.973.807
4	Chi chuyển nguồn	560.000.000	560.000.000	560.000.000	560.000.000	2.240.000.000

- Trên cơ sở dự toán đầu năm giao, đơn vị đã chi từ nguồn tự chủ là 3.760.703.000 đồng. Đơn vị chủ yếu chi lương, các chế độ phụ cấp theo lương, chi các khoản đóng góp theo lương,... Qua kiểm tra, đơn vị đã thực hiện việc chi ngân sách, quản lý tài chính, mua sắm tài sản công từ nguồn tự chủ theo đúng định mức, tiêu chuẩn, đảm bảo theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Nguồn không tự chủ được cấp theo dự toán (04 năm) là 146.949.998.813 đồng, trong đó đơn vị đã chi với số tiền là: 135.799.025.006 đồng (thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội, chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội và Cựu chiến binh), số tiền chưa sử dụng, đơn vị chuyển trả Ngân sách là: 8.910.973.000 đồng.

II. Kiểm tra việc thực hiện các chính sách

1. Việc thực hiện chính sách người có công, công tác giảm nghèo, công tác lao động việc làm, chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí cho đối tượng chính sách, công tác lao động việc làm, công tác hỗ trợ Covid-19¹

- Kinh phí chi trả chính sách cho người có công (nguồn kinh phí do Trung ương ủy quyền qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum), Phòng LĐ-TB & XH thành phố thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng người có công hàng tháng thông qua hệ thống bưu điện. Trong 04 năm (2018-2021), đơn vị đã

¹ Đoàn thanh tra không xác minh thực tế đối với nội dung này. Đơn vị tự chịu trách nhiệm đối với các số liệu của tài các nội dung này.

thực hiện chi trả trợ cấp cho người có công với tổng số tiền: 118.801.586.038 đồng.

- Công tác giảm nghèo: Đơn vị sử dụng kinh phí được giao chủ yếu để thực hiện cho công tác điều tra, tập huấn, tuyên truyền công tác giảm nghèo và hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách bảo trợ xã hội. Trong 04 năm (2018-2021), đơn vị đã sử dụng 1.968.896.000 đồng cho công tác giảm nghèo.

- Công tác lao động việc làm: Trong 04 năm (2018 - 2021), đơn vị đã giới thiệu việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm, phối hợp giới thiệu lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài cho 2.558 lao động. Tổng số kinh phí thực hiện cho công tác lao động (*điều tra cung, cầu lao động và hoạt động tháng an toàn vệ sinh lao động*) trong 04 năm (2018-2021) là 423.000.000 đồng.

- Phòng LĐ-TB & XH thành phố thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho đối tượng chính sách hưởng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về chính sách miễn giảm học phí trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Từ năm 2018 đến năm 2021 đơn vị đã thực hiện chi trả cho 43 lượt đối tượng với số kinh phí 201.750.000 đồng.

- Công tác hỗ trợ Covid-19

Năm 2020, chi hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng với tổng số tiền là 7.049.700.000 đồng, trong đó: chi hỗ trợ 54 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động nghỉ việc không hưởng lương 97.200.000 đồng, hỗ trợ 858 người có công với cách mạng 1.284.500.000 đồng, chi cho 3.785 đối tượng Bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 5.671.500.000 đồng.

Năm 2021, hỗ trợ 142 đối tượng người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương với tổng kinh phí 388.415.000 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ lưu tại đơn vị, việc thực hiện chính sách người có công, công tác giảm nghèo, công tác lao động việc làm, chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí cho đối tượng chính sách, công tác lao động việc làm, công tác hỗ trợ Covid-19 được thực hiện đúng đối tượng, đúng chế độ.

2. Chính sách Bảo trợ xã hội

Tổng kinh phí thực hiện cho chính sách Bảo trợ xã hội, trong 04 năm là 123.411.241.310 đồng, trong đó; chi trợ cấp thường xuyên cho đối tượng Bảo trợ xã hội là 101.522.389.000 đồng, chi mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng Bảo trợ xã hội và cựu chiến binh, thanh niên xung phong là 14.477.607.150 đồng, chi bảo đảm xã hội khác là 7.411.245.160 đồng².

² Số liệu được lấy theo Báo cáo số 255/BC-PLĐT BXH ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Phòng LĐ-TB & XH thành phố

Qua kiểm tra, đơn vị đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội³.

Kiểm tra xác suất năm 2020, đối với 01 hồ sơ nhận tiền hỗ trợ sửa nhà của ông Vũ Năng Phần, qua kiểm tra nhận thấy nội dung: chi hỗ trợ sửa nhà ở cho đối tượng người có công, tiền khởi nghĩa, thương binh là ông Vũ Năng Phần, sinh năm 1925; địa chỉ Tổ 2 (cũ là Tổ 4), phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum tuy nhiên người nhận tiền là bà Nguyễn Thị Bích Phương, ký xác nhận đã nhận đủ số tiền là: 20.000.000 đồng ngày 20 tháng 3 năm 2020. Qua làm việc⁴, bà Phương xác nhận bà là vợ của ông Vũ Năng Phần (*ông Phần đã mất (chết) tháng 04/2021*), tháng 2 năm 2020 gia đình bà Phương tiến hành sửa chữa nhà ở, đến tháng 3 năm 2020 gia đình bà Phương đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng hỗ trợ sửa nhà ở (*nhà cấp 4, lợp ngói*).

3. Kiểm tra công tác dạy nghề, quản lý giáo dục nghề nghiệp

Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó giao Phòng LĐ-TB & XH thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn theo các ngành nghề đã được phê duyệt tại Mục II của Kế hoạch.

Kinh phí đào tạo, kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học viên được thực hiện theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính; Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016, của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; công tác đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho lao động nông thôn các xã, đã phân nào giải quyết việc làm cho lao động nông thôn một số xã trên địa bàn thành phố.

Trong các năm 2018 – 2021, phòng LĐ-TB & XH thành phố đã đặt hàng với các cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố, tổ chức nhiều lớp học (*16 lớp*), đào tạo nhiều ngành, nhiều nghề, đã cấp chứng chỉ cho một số lượng lớn lao động nông thôn (*447 người*). Tổng kinh phí thực hiện là **861.713.696** đồng, cụ thể:

Nội dung	Dự toán cấp	Số thực hiện	DT còn lại (hủy)
Năm 2018	261.000.000	242.679.000	18.321.000
Năm 2019	428.000.000	298.784.696	129.215.304
Năm 2020	209.500.000	60.850.000	148.650.000
Năm 2021	302.500.000	259.400.000	43.100.000
Tổng cộng	1.201.000.000	861.713.696	339.286.304

Qua kiểm tra công tác dạy nghề, quản lý giáo dục nghề nghiệp của Phòng LĐ-TB & XH thành phố còn một số tồn tại như sau:

³ Trợ cấp thường xuyên cho 4.648 lượt đối tượng. Hỗ trợ mai táng phí đột xuất cho 07 đối tượng, hỗ trợ thiệt hại về nhà ở do mưa lốc, hỏa hoạn gây ra cho 60 trường hợp. Hỗ trợ tiền điện cho 806 lượt hộ gia đình chính sách xã hội; cấp 3.341 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố.

⁴ Ngày 29/3/2023, Đoàn Thanh tra tiến hành xác minh, làm việc với bà Nguyễn Thị Bích Phương, Địa chỉ: số 151, đường Kopakolong, Tổ 02, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum.

3.1. Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021 như sau:

Đơn vị tổ chức thực hiện chính sách đào tạo nghề phi nông nghiệp nhưng không theo đúng định hướng kế hoạch đào tạo nghề (*nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn*) đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (*thay đổi ngành nghề học, tăng giảm số lượng lớp học, số lượng học viên*), chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015, của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng⁵. Từ năm 2018 đến năm 2021, đơn vị đã ký hợp đồng với các đơn vị đào tạo mở 07 lớp /16 lớp (*chiếm 43,75%*) với tổng kinh phí đã quyết toán là: 408.757.000 đồng (*gồm kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 148.020.000 đồng, kinh phí đào tạo: 260.737.000 đồng*) chưa đúng với định hướng của Ủy ban nhân dân thành phố. Cụ thể:

- Năm 2018, Kế hoạch số: 147/KH-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2017 phê duyệt 01 nghề đào tạo là nghề May dân dụng, đào tạo 25 người.

Tuy nhiên, đơn vị không tổ chức triển khai mở lớp may dân dụng cho 25 người theo Kế hoạch đã phê duyệt, mà ký 04 hợp đồng đào tạo nghề với Trung tâm hỗ trợ thanh niên tỉnh Kon Tum (*viết tắt là: TTHT-TN*) là tổ chức không có Giấy phép hoạt động giáo dục đào tạo nghề, mở 04 lớp đào tạo cho 122 người trên địa bàn các xã: Ngok Bay 01 lớp tranh thêu, Vinh Quang 01 lớp tranh thêu, Đăk Rơ Wa 01 lớp chế biến rượu cần, Hòa Bình 01 lớp chế biến rượu cần, với tổng kinh phí đã quyết toán: **242.679.000 đồng** (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn*)⁶.

- Năm 2019, tại Kế hoạch số: 157/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 đã phê duyệt 02 nghề đào tạo là chế biến rượu cần (*04 lớp*) và làm tranh thêu (*01 lớp*). Đơn vị đã ký hợp đồng với Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum (*viết tắt là Trường CDCĐ*), mở 06 lớp dạy nghề⁷. Như vậy, Phòng LĐ-TB & XH thành phố tổ chức mở thêm 01 lớp ngoài kế hoạch dạy nghề đã phê duyệt: lớp chế biến món ăn cho 27 người, tại thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa với tổng kinh phí đã quyết toán: **88.198.000 đồng** (*Tám mươi tám triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn*)⁸.

- Năm 2020, theo Kế hoạch số: 159/KH-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019, Kế hoạch số: 82/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 phê duyệt 02 nghề phi nông nghiệp, gồm 03 lớp (*Dệt thổ cẩm 02 lớp, Dịch vụ nhà hàng 01 lớp*) đào

⁵ Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 quy định:

Điều 7. Lập kế hoạch và tổ chức đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng căn cứ kế hoạch đào tạo được duyệt, tiến hành đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo cho cơ sở đào tạo đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

⁶ Gồm kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 92.555.000 đồng, kinh phí đào tạo: 150.129.000 đồng

⁷ Đào tạo 163 học viên (cấp chứng chỉ cho 157 học viên) với tổng kinh phí đã quyết toán: 298.784.696,đ (Hai trăm, chín mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm chín sáu đồng)

⁸ Trong đó: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 31.530.000,đ; kinh phí đào tạo: 56.668.000.đ

tạo cho 68 người. Nhưng Phòng LĐ-TB & XH thành phố chỉ ký 01 hợp đồng đào tạo nghề với Trường CĐCD Kon Tum, mở 01 lớp dạy nghề dịch vụ nhà hàng⁹ cho 25 người. Không mở 02 lớp Dệt thổ cẩm 43 người theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Năm 2021, theo Kế hoạch số: 120/KH-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố, đã phê duyệt đào tạo 04 nghề phi nông nghiệp (gồm *Nề hoàn thiện: 01 lớp: 25 người; Hàn điện, 01 lớp: 25 người; Làm chổi đót, 01 lớp: 25 người; Dịch vụ nhà hàng, 01 lớp: 25 người*). Phòng LĐ-TB & XH thành phố đã ký hợp đồng đào tạo nghề với Trường CĐCD Kon Tum, mở 05 lớp dạy nghề¹⁰. Qua đối chiếu với kế hoạch, phòng LĐ-TB & XH thành phố không tổ chức mở 01 lớp Hàn điện, dạy nghề cho 25 người theo Kế hoạch đã phê duyệt. Nhưng mở thêm 02 lớp (*01 lớp chổi đót tại xã Ngok Bay, đào tạo 25 người, 01 lớp tại xã Đoàn Kết đào tạo 35 người*) đào tạo 60 người với tổng kinh phí đã quyết toán là: **77.880.000 đồng** (*Bảy mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

(Chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo)

Tuy nhiên tại thời điểm thanh tra, Phòng LĐ-TB & XH thành phố chưa cung cấp được văn bản điều chỉnh kế hoạch dạy nghề của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Kiểm tra việc thực hiện đào tạo nghề, dạy nghề với các tổ chức:

Năm 2018, Phòng LĐ-TB & XH thành phố thành phố ký hợp đồng đào tạo nghề cho lao động nông thôn với TTHTTN tỉnh Kon Tum mở 04 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp với tổng số tiền **242.679.000 đồng** (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn*).

Qua kiểm tra hồ sơ ký hợp đồng đào tạo nghề năm 2018 với Phòng LĐ-TB & XH thành phố, TTHTTN Kon Tum (*không có Giấy phép hoạt động dạy nghề*) không có người giảng dạy, truyền nghề đáp ứng được điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số: 43/2015/TT-BLĐTBXH¹¹. Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo, TTHTTN Kon Tum dùng nguồn kinh phí đào tạo nghề, đã ký hợp đồng với Phòng LĐ-TB&XH thành phố để đi thuê mượn phương tiện vận chuyển, máy chiếu¹²..., thuê người dạy, truyền nghề, không đủ điều kiện dạy nghề, đào tạo thường xuyên theo quy định tại Điều 6, Điều 7,

⁹ Đào tạo 25 học viên (cấp chứng chỉ cho 25 học viên) tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, với tổng kinh phí đã quyết toán: 60.850.000 đồng (Sáu mươi triệu, tám trăm, năm mươi nghìn đồng)

¹⁰ Đào tạo 137 học viên (cấp chứng chỉ cho 135 học viên) tại các xã trên địa bàn thành phố, với tổng kinh phí đã quyết toán: 259.400.000 đồng (Hai trăm, năm mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

¹¹ Đối với nghề Tranh thêu, TTHTTN thuê những người có bằng tốt nghiệp Cao Đẳng sư phạm Kon Tum (bà Nguyễn Thị Kiêm Liên (sinh 1990), Tổ 9, phường Duy Tân, TP Kon Tum; bà Lê Thị Dung (sinh 1989) xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, bà Phan Thị Sao, cán bộ TTHTTN); đối với nghề chế biến rượu cần, TTHTTN thuê người có kinh nghiệm do xã Đăk Rơ Wa giới thiệu, nhưng không có văn bản xác nhận là nghề nhân của cấp có thẩm quyền, không có chứng chỉ kỹ năng dạy học trực tiếp giảng dạy (Bà Y Maih (sinh 1959), Thôn Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa

¹² Thể hiện tại các Bảng kê thanh toán (các ngày 19/10/2018; 22/10/2018; 24/12/2018; 27/12/2018) các lớp nghề do TTHTTN lập quyết toán với Phòng LĐ-TB&XH thành phố

Thông tư số: 43/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015, của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội¹³.

Đoàn Thanh tra đã có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng cho ý kiến về việc TTHTTN tỉnh Kon Tum, tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề có đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 Quyết định số: 511/QĐ- UBND, ngày 25 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc thành lập TTHTTN tỉnh Kon Tum¹⁴. Tuy nhiên, nội dung phúc đáp của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum¹⁵; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum¹⁶ còn chung chung, chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của TTHTTN tỉnh Kon Tum, do đó Thanh tra thành phố chưa có cơ sở để kết luận nội dung này.

3.3. Kiểm tra đối tượng đào tạo nghề:

¹³ Điều 6. Điều kiện tổ chức đào tạo thường xuyên

1. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

a) Đối với nghề có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức đào tạo nghề chính quy và có ít nhất một khóa đã tốt nghiệp.

b) Đối với nghề không có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thì thực hiện theo quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 2 Điều này.

2. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân chưa có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Đang hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, ngành, nghề dự kiến tổ chức mở lớp đào tạo nghề;

b) Có chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo của từng nghề được xây dựng, phê duyệt theo quy định tại Điều 4 và 5 của Thông tư này;

c) Có người dạy nghề là nhà khoa học, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, người có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2/5 hoặc thợ bậc 3/7 trở lên, nghệ nhân cấp tỉnh, nông dân sản xuất giỏi cấp huyện, người trực tiếp làm nghề liên tục từ 5 năm trở lên và có chứng chỉ kỹ năng dạy học trực tiếp giảng dạy đối với nghề đào tạo.

d) Có cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo phù hợp với nghề sẽ tổ chức đào tạo và theo số lượng người học, thời gian đào tạo.

Điều 7. Điều kiện tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thường xuyên theo đơn đặt hàng của Nhà nước

1. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Có đủ các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình đào tạo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) Trường hợp tổ chức đào tạo các nghề quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư này được cơ quan đặt hàng đào tạo kiểm tra các điều kiện tổ chức đào tạo theo quy định và có ý kiến bằng văn bản về: Tên nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy mô, địa điểm tổ chức đào tạo.

2. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân chưa có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

a) Có đủ các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình đào tạo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Được cơ quan đặt hàng đào tạo kiểm tra các điều kiện tổ chức đào tạo theo quy định và có ý kiến bằng văn bản về: Tên nghề đào tạo, chương trình đào tạo; quy mô, địa điểm tổ chức đào tạo.

¹⁴ Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ thanh niên

1. Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Kon Tum tổ chức các hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên; tư vấn, định hướng học nghề, chọn nghề, dạy nghề; cung ứng lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động.

¹⁵ Văn bản số 1114/SNV-XDCQ&TCBM ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum: Đối với việc Trung tâm hỗ trợ thanh niên có chức năng về dạy nghề, đào tạo nghề thường xuyên, đề nghị Đoàn Thanh tra nghiên cứu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, các quy định pháp luật có liên quan về giáo dục nghề nghiệp; đồng thời, trao đổi với cơ quan chuyên môn về giáo dục nghề nghiệp để có cơ sở nghiên cứu, tham mưu ban hành Kết luận Thanh tra

¹⁶ Văn bản số: 1107/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN, ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Kon Tum, nội dung: “TTHTTN trực thuộc Tỉnh đoàn Kon Tum tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thường xuyên nếu đáp ứng đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên”

Qua kiểm tra hồ sơ đào tạo nghề, trong 04 năm (2018-2021) có 17 người tham gia từ 02 chương trình đào tạo trở lên. Cụ thể như sau:

- Xã Đăk Rơ Wa: 02 trường hợp tham gia năm 2018, 2019; 01 trường hợp tham gia năm 2019, 2021; 06 trường hợp tham gia năm 2018, 2021.

- Xã Ngok Bay: 08 trường hợp. Trong đó có 01 trường hợp tham gia 03 chương trình đào tạo (02 lớp năm 2019, 01 lớp năm 2021), 07 trường hợp tham gia 02 chương trình đào tạo (02 trường hợp tham gia năm 2018, 2019; 05 trường hợp tham gia năm 2018, 2021).

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

Các trường hợp nêu trên được Ủy ban nhân dân các xã quyết định hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn. Lý do: bị mất việc làm.

Trên cơ sở Bảng tổng hợp thống kê số học viên (17 người) của Ủy ban nhân dân các xã Ngok Bay¹⁷, Đăk Rơ Wa¹⁸ (có xác nhận của Thôn trưởng), thì nghề chính của hầu hết các học viên là nghề nông, sau khi tham gia các lớp học nghề vẫn làm nông, không tự tạo việc làm từ các nghề đã học. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân các xã quyết định hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn với lý do: bị mất việc làm (trong khi các học viên vẫn làm nông hoặc buôn bán tạp hóa qua các năm) là không đúng thực tế.

Ngoài quyết định hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn của các địa phương nêu trên ra, trong hồ sơ học nghề của 17 người (nêu trên) không có hợp đồng lao động hoặc xác nhận của chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức về mất việc làm, nguyên nhân dẫn đến mất việc làm, theo Quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3¹⁹, khoản 5, khoản 6 Điều 4²⁰ Thông tư số:

¹⁷ Bảng tổng hợp ngày 28 tháng 6 năm 2023

¹⁸ Bảng tổng hợp ngày 04 tháng 7 năm 2023

¹⁹ Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lao động nữ bị mất việc làm là lao động nữ đã có việc làm (làm việc theo hợp đồng lao động, hợp đồng bao tiêu sản phẩm; làm việc cho các tổ chức, cá nhân không có hợp đồng lao động; tự tạo việc làm trên địa bàn xã) nay không có việc làm, đang tìm kiếm việc làm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trong đơn đăng ký học nghề.

2. Người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan là người đã được hỗ trợ đào tạo, làm đúng nghề đã học nhưng bị mất việc làm trong các trường hợp sau:

a) Người làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo hợp đồng lao động, hợp đồng bao tiêu sản phẩm đã hết hạn, đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động hoặc bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng bao tiêu sản phẩm do thay đổi công nghệ; sáp nhập, chia tách, giải thể; thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác;

b) Người làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không có hợp đồng lao động nay không được tiếp tục làm việc nữa do thay đổi công nghệ; sáp nhập, chia tách, giải thể; thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác;

c) Người tự tạo việc làm trên địa bàn xã không còn tiếp tục làm công việc cũ do thay đổi quy hoạch sản xuất, thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

²⁰ 5. Đối với lao động bị mất việc làm

a) Trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

b) Trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động;

c) Trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh).

152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Như vậy phòng LĐ-TB&XH thành phố đào tạo nghề cho 17 người tham gia ít nhất từ 02 lớp nghề trở lên không đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg²¹; Khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 5, 6 Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, với tổng số kinh phí đã quyết toán là: **34.519.831 đồng** (*Ba mươi tư triệu, năm trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi một đồng*).

4. Kiểm tra quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Phòng LĐ-TB & XH thành phố sử dụng nguồn đảm bảo xã hội chủ yếu để mua quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu, Ngày Quốc tế thiếu nhi... Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ 04 năm, còn một số tồn tại như sau:

- Tại Gói thầu mua quà tặng cho đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp tết Nguyên Đán Kỷ Hợi 2019, với số tiền: 424.000.000,đ (*Bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng chẵn*); tại hồ sơ yêu cầu, đơn vị đấu thầu phải có 02 hợp đồng có giá trị tương đương; Bách hóa tổng hợp Bích Phượng tham gia đấu thầu có 01 hợp đồng ký với Sư Đoàn 10 vào ngày 01 tháng 01 năm 2019, thanh lý hợp đồng cung cấp hàng hóa ngày 31 tháng 01 năm 2019; nhưng ngày 21 tháng 01 năm 2019 Bách hóa tổng hợp Bích Phượng gửi hồ sơ năng lực đấu thầu cho Phòng LĐTBXH thành phố kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp hàng hóa ngày 31 tháng 01 năm 2019 là không hợp lý. Như vậy, hồ sơ của Bách hóa tổng hợp Bích Phượng tham gia đấu thầu là chưa đạt theo hồ sơ yêu cầu của phòng LĐ -TB&XH thành phố, nhưng Tổ xét thầu (*Tổ xét thầu của Phòng LĐTBXH thành phố*) xét đạt và là đơn vị trúng thầu. Thanh tra thành phố không đề xuất xử lý nội dung này, tuy nhiên đơn vị cần làm rõ trách nhiệm của Tổ xét thầu (*tập thể, cá nhân*) có liên quan trong việc thẩm định, xét thầu, hồ sơ dự thầu không đảm bảo theo quy định nhưng vẫn chấm trúng thầu.

- Tại các biên bản Hợp giao ban hệ thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng thì buổi họp được tổ chức vào các ngày cuối quý (*quý II/2018 họp ngày 25 tháng 6, quý III/2018 họp ngày 28/9; quý IV/2018 họp ngày 11/12*) của năm 2018. Nhưng đến cuối tháng 12/2018, Phòng LĐ-TB & XH thành phố mới ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng (*ký hợp đồng ngày 17 tháng 12 năm 2018; thanh lý hợp đồng ngày 20 tháng 12 năm 2018*) việc mua nước và photo tài liệu phục vụ các cuộc họp. Như vậy, là không phù hợp với quy định, vì việc mua sắm (*nêu trên*) phát sinh sau thời điểm diễn ra các buổi họp (*khoảng 09 tháng*).

6. Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ nêu tại Khoản 5 Điều này cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo trước đó.

²¹ khoản 2 Điều 3 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần, trường hợp được đào tạo thêm ngành nghề khác thì những người được đào tạo phải là những người bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định, nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Từ năm 2018 đến năm 2021, Phòng LĐ-TB & XH thành phố tổ chức thi công 09 bảng Pano phòng chống đuối nước ở trẻ em trên địa bàn các xã, với tổng số tiền 259.900.000 đồng. Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại đơn vị, nhìn chung đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định. Kiểm tra thực tế 09 bảng Pano (*biên bản kiểm tra ngày 16/3/2023*), kết quả kiểm tra khối lượng thi công thực tế thiếu so với hồ sơ, cụ thể: không sơn lót, thiếu sàn công tác và thiếu khối lượng bê tông móng trụ, với số tiền: **6.448.000 đồng** (*Sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn*).

(Chi tiết tại Phụ lục số 3 kèm theo)

III. Công tác vận động thu, sử dụng các Nguồn quỹ ủng hộ

1. Kiểm tra Nguồn vận động thu Quỹ Đền ơn - Đáp nghĩa.

Từ năm 2018 đến năm 2021, tổng số tiền huy động đóng góp vào Quỹ đền ơn – Đáp nghĩa là 369.213.009 đồng (*Trong đó tồn năm 2017 chuyển sang là 88.291.009 đồng, số tiền huy động trong năm 2018-2021 là 280.922.000 đồng*). Đơn vị đã thực hiện chi 174.090.000 đồng, tồn quỹ 133.423.009 đồng.

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Tồn năm trước chuyển sang	88.291.009	144.328.009	139.793.009	135.733.009
- Tiền mặt tồn quỹ	59.891.392	59.891.392	59.891.392	47.391.392
- Tại TK tiền gửi	28.399.617	84.436.617	79.901.617	75.841.617
- Thu hồi quỹ tiền mặt				12.500.000
2. Huy động trong năm	62.537.000	58.465.000	96.440.000	63.480.000
3. Kinh phí quyết toán trong năm	1.500.000	63.000.000	100.500.000	65.790.000
4. Chuyển sang năm sau	149.328.009	139.793.009	135.733.009	133.423.009
- Tiền mặt tồn quỹ	59.891.392	59.891.392	59.891.392	47.391.392
- Tại TK tiền gửi	84.436.617	79.901.617	75.841.617	86.031.617

Qua kiểm tra việc chi sử dụng từ nguồn vận động thu Quỹ Đền ơn - Đáp nghĩa, cơ bản đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định.

- Qua kiểm tra hồ sơ 04 năm (2018, 2019, 2020, 2021), hàng năm thành phố đều ban hành Kế hoạch, Công văn triển khai tuyên truyền, vận động việc thực hiện ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa²², đa số các phòng, ban thuộc thành phố, các đơn vị trên địa bàn thành phố đã đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị không ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Kiểm tra Nguồn vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em

Tổng thu quỹ bảo trợ trẻ em từ năm 2018 đến 2021 là: 240.053.000 đồng; đã chi 214.902.000 đồng, tồn quỹ: 25.151.000 đồng.

Năm	Tổng thu	Tổng chi
-----	----------	----------

²² Văn bản số 1385/UBND-VX ngày 16 tháng 5 năm 2019, Văn bản số 1096/UBND-VX ngày 23 tháng 3 năm 2020, Văn bản số 1463/UBND-VX ngày 20 tháng 4 năm 2021

2017 chuyển sang	23.423.000	
2018	66.770.000	47.572.000
2019	49.130.000	70.000.000
2020	43.375.000	65.126.000
2021	57.355.000	32.204.000
Tổng	240.053.000	214.902.000

- Qua kiểm tra nhận thấy: Hàng năm thành phố đều ban hành Kế hoạch, Công văn triển khai thực hiện việc thu ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em²³. Đa số các phòng, ban thuộc thành phố, các Tổ chức đóng chân trên địa bàn thành phố đã đóng góp cho quỹ nhằm động viên các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp các ngày lễ, tết (*Tết Nguyên Đán, Tết Trung thu, 1/6*). Tuy nhiên, vẫn có một số đơn vị không ủng hộ cho quỹ theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Qua kiểm tra việc chi sử dụng từ nguồn quỹ Bảo trợ trẻ em, cơ bản đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định. Tuy nhiên vẫn còn sai sót, cụ thể tại phiếu chi ngày 8 tháng 6 năm 2018, chi cơm trưa cho 72 trẻ em tham dự Diễn đàn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với số tiền 10.800.000 đồng:

Tại Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2018, của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức Diễn đàn trẻ em năm 2018, có nội dung: Sử dụng nguồn kinh phí được giao từ đầu năm theo Kế hoạch 09/KH-BĐH ngày 29/3/2018 của Ban điều hành bảo vệ trẻ em (*từ nguồn Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Kon Tum và ngân sách Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum giao*). Qua kiểm tra, đơn vị sử dụng nguồn Quỹ bảo trợ trẻ em thành phố để chi tiền ăn cho trẻ em tham dự Diễn đàn là không đúng với nguồn kinh phí theo Kế hoạch 100/KH-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2018, của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối tượng tham gia theo Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2018, của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức Diễn đàn trẻ em năm 2018 là 72 trẻ em tiêu biểu, vượt khó đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội thành phố, Mái ấm Vinh Sơn, Mái ấm Vinh Sơn 2 và cộng đồng (*21 xã, phường*), trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Căn cứ theo quy chế quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ bảo trợ trẻ em thành phố Kon Tum²⁴ có nội dung: “*chi hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ nguồn huy động, đóng góp, tài trợ: hỗ trợ tổ chức các ngày lễ, kỷ niệm cho trẻ em như: Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, gặp mặt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vượt khó*”. Do đó, Thanh tra thành phố không đề xuất thu hồi kinh phí đã chi, tuy nhiên cần tổ chức kiểm điểm trong việc sử dụng nguồn Quỹ bảo trợ trẻ em thành phố để chi tiền ăn cho trẻ em dự Diễn đàn không đúng Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

IV. Kiểm tra nội dung chi sửa chữa các công trình

²³ Kế hoạch 12/KH-QBTTE ngày 12 tháng 4 năm 2018; 61/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2019; 2041/CV-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 và 1295/CV-UBND ngày 8 tháng 4 năm 2021.

²⁴ Ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-QBTTE ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng điều hành Quỹ bảo trợ trẻ em

Trong 04 năm (2018-2021), đơn vị đã tiến hành sửa chữa 03 công trình, gồm:

- Công trình: Sửa chữa nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ (*nhà bia tưởng niệm 81 liệt sĩ*), địa chỉ: đường Trương Quang Trọng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum. Hạng mục: Sơn lại toàn bộ nhà bia, cổng chính, hàng rào Tổng số tiền: 115.564.000 đồng (*ngân sách thành phố 75.064.000 đồng, nguồn vận động từ đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 40.500.000 đồng*).

- Công trình: Trụ sở liên cơ quan; Hạng mục: Sửa chữa hàng rào, nhà để xe máy liên cơ quan với số tiền 78.594.000 đồng.

- Công trình: Sửa chữa nhà bia tưởng niệm liệt sĩ phường Duy Tân; Hạng mục: Sơn sửa lại nhà bia, cổng chính, hàng rào, xây bó vỉa bồn hoa, cây cảnh; thay thế bàn thờ với số tiền 63.790.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế các công trình cho thấy đơn vị thực hiện cơ bản đúng theo hồ thiết kế được duyệt. Riêng đối với sửa chữa nhà bia tưởng niệm liệt sĩ phường Duy Tân (*Công trình được Phòng LĐ-TB & XH thành phố phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại Quyết định số: 17/QĐ-LĐTBXH ngày 11 tháng 5 năm 2021*), đến ngày 02 tháng 6 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số: 2013/QĐ-UBND, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Hạng mục: Sửa chữa nhà bia tưởng niệm, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ (*Nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, tổ dân phố 2, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum*). Công trình do UBND phường Duy Tân làm chủ đầu tư thực hiện (*công trình đã được sửa chữa, thi công mới hoàn toàn*) nên không có cơ sở để kiểm tra.

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ có liên quan, của đơn vị làm chủ đầu tư. Trong quá trình triển khai, cũng như quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng. Công tác đấu thầu, chỉ định thầu, nghiệm thu thanh toán và các thủ tục hồ sơ pháp lý phù hợp và chấp hành đúng các quy định Nhà nước về đầu tư xây dựng. Tuy nhiên đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm trong việc đề xuất sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng nhà bia tưởng niệm liệt sĩ phường Duy Tân để tránh lãng phí.

C. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Phòng LĐ-TB & XH thành phố đã thực hiện công tác quản lý tài chính, ngân sách cơ bản đảm bảo theo quy định của pháp luật; thực hiện mở sổ và khóa sổ, hạch toán kế toán các khoản thu, chi ngân sách theo quy định.

Kịp thời giải quyết các chế độ chính sách xã hội cho các đối tượng trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021.

2. Tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, qua thanh tra, kiểm tra đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:

- Một số chứng từ ghi chép thời gian chưa hợp lý, chưa đảm bảo theo quy định như: Tại hồ sơ Gói thầu mua quà tặng cho đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp tết Nguyên Đán Kỷ Hợi 2019, với số tiền: 424.000.000,đ (*Bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng chẵn*), đơn vị dự thầu (*Bách hóa tổng hợp Bích Phương*) gửi hồ sơ năng lực dự thầu ngày 21 tháng 01 năm 2019 cho Phòng LĐ-TB&XH thành phố, nhưng trong hồ sơ đã có Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp hàng hóa ngày 31 tháng 01 năm 2019, để chứng minh năng lực Hợp đồng. Thiếu hồ sơ theo quy định của pháp luật đấu thầu, nhưng Tổ xét thầu (*Phòng LĐ-TB&XH thành phố*) xét đạt và trúng thầu; tài liệu có liên quan đến việc mua nước phục vụ cuộc họp được lập sau 9 tháng kể từ ngày tổ chức họp (*mua nước phục vụ họp giao ban hệ thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng*).

- Trong 04 năm (*2018 đến 2021*), có 17 học viên được tuyển sinh (*trùng*) tham gia dự học các chương trình đào tạo nghề từ 02 lớp trở lên, đã được nhà nước chi phí hỗ trợ đào tạo nghề với tổng số tiền là: **34.519.381 đồng** (*Ba mươi bốn triệu, năm trăm mười chín nghìn, ba trăm tám mươi một đồng*), việc chi phí hỗ trợ cho các đối tượng trên là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Khoản 2, 5, 6 Điều 4 Thông tư số: 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

- Chi hỗ trợ đào tạo (*tiền học và tiền ăn*) cho ông A Khi, không tham gia lớp học nghề Nề hoàn thiện năm 2021, nhưng vẫn nhận tiền học và tiền ăn với số tiền là: **3.240.000 đồng** (*Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

- Thi công thiếu khối lượng so với hồ sơ thanh toán (*09 bảng*) Bảng Pano phòng chống đuối nước ở trẻ em trên địa bàn các xã, kiểm tra thực tế thiếu các hạng mục: không sơn lót, thiếu sàn công tác và thiếu khối lượng bê tông móng trụ, với số tiền: **6.448.000 đồng** (*Sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn*).

- Đơn vị tổ chức thực hiện chính sách đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn, nhưng thay đổi ngành nghề học, tăng giảm số lớp đào tạo, số lượng học viên, chưa bám sát vào các kế hoạch đào tạo nghề đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Đơn vị sử dụng quỹ bảo trợ trẻ em, để chi cơm trưa cho 72 trẻ em tham dự Diễn đàn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không đúng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trách nhiệm để xảy ra những thiếu sót, tồn tại nêu trên thuộc lãnh đạo, kế toán, công chức chuyên môn được phân công phụ trách các lĩnh vực tại Phòng LĐ-TB&XH thành phố trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

D. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo qua công tác thanh tra:

- Chỉ đạo Phòng LĐ-TB & XH thành phố hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo nghề phải bám sát vào các định hướng của Ủy ban nhân dân thành phố, nhu cầu thị trường lao động cần. Rà soát phê duyệt danh sách đào tạo nghề đảm bảo sự công bằng, hạn chế đào tạo lại. Kiểm tra năng lực, chức năng của các cơ sở đào tạo nghề trước khi ký hợp đồng đào tạo. Hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, kế hoạch đào tạo nghề... còn thiếu trong quá trình triển khai, trường hợp có vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các bước tiếp theo.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã phường rà soát kỹ các đối tượng đăng ký tham gia các lớp đào tạo nghề. Trường hợp tham gia nhiều lớp đào tạo nghề, phải đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg; Khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Kiến nghị về kinh tế:

Yêu cầu Phòng LĐ-TB & XH thành phố thu hồi nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền: **44.207.381 đồng** (*Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm tám mươi một đồng*), trong đó:

- Học viên tham gia các lớp học nghề (*trùng*), không đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định, số kinh phí đã thanh, quyết toán là: **34.519.381 đồng** (*Ba mươi bốn triệu, năm trăm mười chín nghìn, ba trăm tám mươi một đồng*).

- Chi hỗ trợ cho đối tượng học lớp Nề hoàn thiện năm 2021, không đúng thực tế với tổng số tiền là **3.240.000 đồng** (*Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

- Thi công thiếu khối lượng so với hồ sơ thanh toán các bảng pano phòng chống đuối nước với số tiền: **6.448.000 đồng** (*Sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn*).

3. Kiến nghị hành chính:

- Yêu cầu Phòng LĐ-TB & XH thành phố tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tập thể để xảy ra các tồn tại khuyết điểm như Phần C Kết luận nêu trên.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Ngok Bay, Ủy ban nhân dân xã Đăk Rơ Wa tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tập thể trong việc quyết định hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn (*giai đoạn năm 2018-2021*) không đúng thực tế, hồ sơ xét duyệt không đảm bảo theo Quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Thông tư số: 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Trên đây là Kết luận thanh tra tại phòng Lao động thương binh - Xã hội thành phố./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- UBND thành phố (b/c);
- Phòng LĐ-TB & XH TP;
- Phòng TC –KH TP;
- Phòng Kinh tế TP;
- UBND 21 xã phường;
- Phòng Nội vụ TP ;
- Trung tâm VH-TT-DL&TT TP (đăng tải trên Trang TT điện tử TP);
- LĐ Thanh tra TP;
- Lưu VT-HS.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Quốc Vương

Phụ lục 1. Tổng hợp các lớp mở ngoài kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt

STT	Kế hoạch mở lớp		Thực tế mở lớp		Theo kế hoạch		Kinh phí mở các lớp không theo kế hoạch	
	Ngày tháng năm	Các lớp dự kiến mở theo kế hoạch	Kế hoạch điều chỉnh	Nghề đào tạo (phi nông nghiệp)	Có	Không	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn	Kinh phí đào tạo
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	KH số 147/KH-UBND ngày 23/11/2017	May dân dụng (Xã Vinh Quang, 1 lớp)	Không có kế hoạch điều chỉnh	Không mở lớp				
				Rượu cần (xã Đăk Rơ Wa)		x	16,470,000	26,275,000
				Rượu cần (xã Vinh Quang,		x	23,580,000	38,386,000
				Tranh thêu xã Ngok Bay		x	34,470,000	55,892,000
				Rượu cần (xã Hòa Bình)		x	18,030,000	29,576,000
2	KH số 157/KH-UBND ngày 29/10/2018	Chế biến rượu cần Ngok Bay 1 lớp	Không có kế hoạch điều chỉnh	Rượu cần (xã Ngok Bay)	x			
		Chế biến rượu cần xã Ia Chim 4 lớp		Rượu cần (Ia Chim)	x			
		Chế biến rượu cần Đăk Rơ Wa 1 lớp		Chế biến món ăn (Đăk Rơ Wa)		x	31,530,000	56,668,000
		Chế biến rượu cần Đăk Cấm 4 lớp		Rượu cần (Đăk Cấm 2 lớp)	x			
		Làm tranh thêu xã Ia Chim 2 lớp		Không mở lớp				
		Làm tranh thêu xã Ngok Bay 1 lớp		Tranh thêu xã Ngok Bay	x			
		Làm tranh thêu xã Đăk Rơ Wa 1 lớp		Không mở lớp				

3	KH số: 159/KH- UBND ngày 13/9/2019, KH số: 82/KH- UBND ngày 04 /5/2020	Dệt thổ cẩm P. Quang Trung	Không có kế hoạch điều chỉnh	Không mở lớp				
		Dệt thổ cẩm p. Thắng Lợi		Không mở lớp				
		Dịch vụ nhà hàng (xã Đăk Rơ Wa)		Dịch vụ nhà hàng	x			
4	Kế hoạch số 120/KH- UBND ngày 03/6/2021	Nề hoàn thiện (xã Đăk Blà)	Không có kế hoạch điều chỉnh	Nề hoàn thiện (xã Đăk Blà)	x			
		Hàn điện (xã Kroong)		Không mở lớp				
		Dịch vụ nhà hàng (xã Đăk Rơ Wa)		Dịch vụ nhà hàng (xã Đăk Rơ Wa)	x			
		Làm chổi đót (xã Ngok Bay)		Chổi đót (xã Ngok Bay,	x			
				Chổi đót (xã Ngok Bay)		x	9,600,000	22,440,000
				Chổi đót xã Đoàn Kết		x	14,340,000	31,500,000
Tổng số tiền kinh phí đào tạo các lớp ngoài kế hoạch							148,020,000	260,737,000

Phụ lục 2. Tổng hợp các trường hợp học từ 02 lớp đào tạo nghề trở lên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Các lớp học								
			Tên lớp/năm học	Số tiền		Tên lớp	Số tiền		Tên lớp	Số tiền	
				Tiền ăn	KP đào tạo		Tiền ăn	KP đào tạo		Tiền ăn	KP đào tạo
Đắk Rơ Wa											
1	Y Cher	9/12/1989	Rượu cần/2018	540,000	900,000	Chế biến món ăn/2019	1,260,000	2,100,000			
2	Y Hoanh	1/1/1975	Rượu cần/2018	510,000	900,000	Chế biến món ăn/2019	1,200,000	2,100,000			
3	Y Lu	1995	Rượu cần/2018	570,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	780,000	1,598,846			
4	Y Yăt	1984	Rượu cần/2018	570,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	840,000	1,598,846			
5	Y Huir	1992	Rượu cần/2018	570,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	900,000	1,598,846			
6	Y Laih	1992	Rượu cần/2018	540,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	870,000	1,598,846			
7	Y Dip	1984	Rượu cần/2018	540,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	120,000				
8	Y Suun	7/11/1985	Rượu cần/2018	540,000	900,000	Dịch vụ nhà hàng/2021	780,000	1,598,846			
9	Y Thoang	28/6/1993	Chế biến món ăn/2019	1,260,000	2,100,000	Dịch vụ nhà hàng/2020	870,000	1,600,000			

Ngok Bay											
10	Y Nheng	26/12/1998	Tranh thêu/2018	960,000	1,600,000	Rượu cần/2019	450,000	900,000			
11	Y Gen	1970	Tranh thêu/2018	1,020,000	1,600,000	Rượu cần/2019	450,000	900,000			
12	Y Loan	10/9/1989	Tranh thêu/2018	870,000	1,600,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600			
12	Y Long	2003	Tranh thêu/2018	855,000	1,600,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600			
14	Y Nhal	19/10/1989	Tranh thêu/2018	900,000	1,600,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600			
15	Y Trin	11/6/1999	Tranh thêu/2018	900,000	1,600,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600			
16	Y Viêng	20/2/1998	Tranh thêu/2018	900,000	1,600,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600			
17	Y Trang	10/7/1992	Rượu cần/2019	450,000	900,000	Chổi đốt/2021	420,000	897,600	Tranh thêu/2019	900,000	1,600,000
							11,040,000	20,979,831		900,000	1,600,000

**Phụ lục 3: Tổng hợp kết quả khối lượng thi công thiếu so với hồ sơ
thanh toán bảng Pano phòng chống đuối nước ở trẻ em**

STT	Tên công trình	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	Năm 2018				
I	Lắp đặt Pano xã Hòa Bình (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
2	Sàn công tác	m	4.8	130,000	624,000
II	Lắp đặt Pano xã Đăk Blà (Thôn Kon Jơ dreh Plong)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
B	Năm 2019				
I	Lắp đặt Pano xã Ia Chim (Trường Tiểu học Kim Đồng, thôn Plei Druân)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
II	Lắp đặt Pano xã Ngok Bay (Thôn Kon Ngo)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
2	Sàn công tác	m	4.8	130,000	624,000
3	Hố bê tông KT (1m4 x 0.5m x 0.8m)	hố	1	1,000,000	1,000,000
C	Năm 2020				
I	Lắp đặt Pano xã Chư Hreng (Thôn Kon Ra Tu)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
II	Lắp đặt Pano xã Đăk Cấm (Trạm Y tế xã)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	2	300,000	600,000
D	Năm 2021				
I	Lắp đặt Pano xã Ia Chim (Thôn Klâu Klah)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng	5		200,000
II	Lắp đặt Pano xã Hòa Bình (Đập Đăk Yên, Thôn 2)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng			200,000
III	Lắp đặt Pano xã Đăk Blà (Thôn Kon Jơ Dreh)				
1	Sơn lót chống rỉ	Thùng			200,000
TỔNG					6,448,000